

PHƯƠNG THỨC ỨNG XỬ VỚI THỜI CUỘC TRONG TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC NGUYỄN BÌNH KHIÊM

HUỲNH NGỌC BÍCH*

Trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, Nguyễn Bình Khiêm là một trong số ít người có cuộc đời với tư tưởng và phương thức ứng xử với thời cuộc khá đặc biệt. Sống trọn thế kỷ XVI với nhiều biến động về chính trị, chiến tranh liên miên, đạo đức xã hội suy đồi, thời cuộc loạn ly, lòng người chao đảo, Nguyễn Bình Khiêm đã chủ động lựa chọn cho mình một phương thức ứng xử phù hợp và thức thời - khi thì nhập thế giúp nước cứu đời, khi thì lui về ở ẩn để giữ vững khí tiết thanh cao, hưởng thú vui tự tại, bình yên. Qua Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm (chủ yếu qua Tổng tập thơ văn Nguyễn Bình Khiêm của Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng (2014)) bài viết làm rõ tư tưởng triết học Nguyễn Bình Khiêm mà trong đó phương thức ứng xử với thời cuộc là một nội dung quan trọng.

Từ khóa: Nguyễn Bình Khiêm, phương thức ứng xử, triết học Việt Nam, thế kỷ XVI

Nhận bài ngày: 15/5/2019; *đưa vào biên tập:* 1/6/2019; *phản biện:* 2/7/2019; *duyet đăng:* 12/8/2019

1. ĐÔI NÉT VỀ CUỘC ĐỜI NGUYỄN BÌNH KHIÊM VÀ TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CƠ BẢN

Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585) không chỉ là nhà thơ, nhà tư tưởng mà còn là bậc thầy về văn hóa được mọi người truyền tụng. Ông nổi lên như một hiện tượng đặc biệt của thế kỷ XVI. Nguyễn Bình Khiêm tên thật là

Nguyễn Văn Đạt, tự là Hanh Phủ, hiệu là Bạch Vân cư sĩ, người làng Trung Am, Vĩnh Lại, Hải Dương (nay là huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Phòng). Ở Nguyễn Bình Khiêm toát lên vẻ uyên thâm của một trí tuệ bác học, sự an yên của một nhà thơ nhân nhã, nhưng ẩn chứa những tư tưởng triết lý sâu sắc. Ông sinh ra trong gia đình nho học và được nuôi dưỡng bằng những luân lý của Nho giáo từ người cha là ông Nguyễn Văn Định - người có kiến

* Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

thức sâu rộng. Đặc biệt, Nguyễn Bình Khiêm chịu ảnh hưởng rất lớn từ sự giáo dục của mẹ - bà Nhữ Thị Thục, là mẫu phụ nữ có cá tính, tinh thông lý học, âm phong là Từ Thục phu nhân, con gái của Thượng thư Nhữ Văn Lan. Không chỉ hấp thụ triết lý Nho giáo ngay trong gia đình, Nguyễn Bình Khiêm còn được theo học người thầy là một nhà nho nổi tiếng đương thời - Lương Đắc Bằng. Với trí tuệ hơn người, thông minh từ nhỏ, lại gặp thầy giỏi nên Nguyễn Bình Khiêm sớm thành tài năng kiệt xuất. Việc ông liên tiếp trúng tam nguyên trong ba kỳ thi: thi Hương, thi Hội, thi Đình đã chứng minh điều đó. Phan Huy Chú nhận xét Nguyễn Bình Khiêm là người học rộng các sách, hiểu sâu nghĩa lý *Kinh Dịch* và dẫn lời viên sứ thần nhà Thanh là Chu Xán đã khen người Lĩnh Nam biết lý học chỉ có Trình Tuyền - Nguyễn Bình Khiêm.

Tài học rộng hiểu sâu của Nguyễn Bình Khiêm phần nào thể hiện qua những tư tưởng triết học của ông. Nổi bật là những tư tưởng về vũ trụ (thế giới quan); tư tưởng về luân lý đạo đức, về chính trị, xã hội (nhân sinh quan).

Trước hết, trong quan niệm về thế giới quan, Nguyễn Bình Khiêm đã trình bày tương đối có hệ thống những nội dung về nguồn gốc vũ trụ, vạn vật, sự tồn tại vận động, biến hóa của vũ trụ.

Ảnh hưởng *Kinh Dịch*, khi cắt nghĩa khởi nguyên của trời đất, Nguyễn Bình Khiêm xuất phát từ nguyên lý của

Dịch xem thái cực là hình thái chuyển hóa đầu tiên dẫn đến sự hình thành vũ trụ. Ông viết: “Thái cực triệu sơ phân. Tam tài định quyết vị. Kinh thanh thượng vi thiên. Địa trọc hạ vi địa. Trung tụ nhi vi nhân. Bẩm thụ thị nhất khí” (Thái cực lúc mới phân chia. Vị trí của thiên, địa, nhân đã định. Trong, nhẹ bay lên là trời. Đục, nặng lắng xuống là đất. Ở giữa kết tụ là người. Sinh ra vốn cùng một khí) (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 1344). Như vậy, nguồn gốc của sự hình thành vũ trụ và vạn vật theo Nguyễn Bình Khiêm là bắt nguồn từ thái cực. Ông đặt thái cực lên trên hết, nhưng cốt lõi lại tập trung vào “khí”. Khí là bản nguyên của vũ trụ. Vũ trụ xuất phát từ khí nên vũ trụ không ngừng vận động, biến đổi do sự tương tác của âm dương, phát triển đến cùng cực thì quay lại vị trí xuất phát ban đầu theo nguyên lý của thái cực, vạn vật từ cỏ, cây, sông, biển, núi, rừng... cũng từ đó mà thành: “Nhất khí sơ tòng thái cực hình, chí tại bát hạo sở do danh. Hải hà Hoa Nhạc khôn duy cố, nha giáp căn cai vật loại sinh” (Một khối khí ban đầu từ hình dạng của thái cực, rất mực rộng dày nên có tên thế. Bể sông, núi non, giềng đất thật là vững chắc, mầm cỏ cây, gốc rễ cây... các loài nhờ vào đó mà sinh sôi nảy nở) (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 1162). Nguyễn Bình Khiêm thừa nhận sự tiến hóa của vũ trụ là một quá trình rất phức tạp và lâu dài, do sự kết hợp của *âm dương (lượng nghi)* sinh ra *tứ tượng*, mọi sự biến chuyển, đổi thay

trong vũ trụ cũng phụ thuộc *âm dương*, *âm dương* vận động, giao hòa mà vạn vật được sinh ra, quá trình phát sinh này tức là biến đổi: “Dịch có thái cực, thái cực sinh ra lưỡng nghi (âm dương), lưỡng nghi sinh ra tứ tượng (bốn mùa), tứ tượng sinh ra bát quái (tám quẻ)... Từ bát quái cấu tạo thành 64 quẻ”. Nhờ *âm, dương* vận xoay mà cội nguồn vạn vật được lý giải cũng như biết được thời thế thịnh, suy. Nguyễn Bình Khiêm viết: “Âm dương vắng phục nghiệm tiền tri” (Khí âm khí dương đi qua rồi trở lại, suy ra có thể biết trước) (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 1206), hay: “Tĩnh nghiệm âm tiêu dương trường xứ, U viêm thử hậu hữu phồn sương” (Khi tĩnh, ngắm những sự tiêu tan và lớn lên của khí âm khí dương sau mùa nắng nóng sẽ đến tiết sương đậm) (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 1197).

Thừa nhận trời đất, vạn vật biến đổi, chuyển hóa không ngừng, không gì là mãi mãi theo sự kết hợp của *âm dương*, nhưng sự biến đổi, vận động trong quan niệm của Nguyễn Bình Khiêm là sự biến đổi tuần hoàn, sự phát triển mang tính chất khép kín, xoay vần. Mọi chuyện trong trời đất, nhân tình thế thái đều cùng chung nhau ở chỗ đến rồi đi, đi rồi lại, ông viết: “Thế sự tuần hoàn hay đắp đổi, từng xem thua được một hai phen” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 1503). Đây chính là hạn chế trong quan niệm về sự biến dịch, biến hóa của vạn vật của Nguyễn Bình Khiêm vì suy cho cùng

sự biến chuyển đó lại mang tính chu kỳ, tuần hoàn khép kín. Nguyễn Bình Khiêm mới chỉ thấy những biểu hiện bề ngoài chứ chưa tìm ra được nguồn gốc bên trong của sự vận động và biến đổi. Mặc dù vậy, bỏ qua những hạn chế do yếu tố lịch sử thì quan niệm của ông cũng chứa đựng yếu tố biện chứng duy vật thô sơ, chất phác tích cực. Quan niệm thừa nhận sự biến đổi liên tục của vạn vật trong vũ trụ bao la. Vạn vật luôn chứa đựng những khuynh hướng ngược chiều nhau, sự mâu thuẫn là một tất yếu, ẩn chứa bên trong sự vật, hiện tượng làm nên sự biến chuyển xoay vần của mọi vật, mọi việc. Trong tự nhiên, đó là sự thay đổi lên xuống của các hiện tượng thiên nhiên: “Vũng nọ ghê khi làm bãi cát. Doi kia có thuở lúc hòn thai” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 53). Còn trong xã hội là sự thay thế tuần tự nhau giữa thời trị và thời loạn, “nhất trị nhất loạn”, có loạn ắt phải có trị, và cứ thế chúng luân phiên thay thế nhau, nối tiếp nhau: “Thế nhất trị nhất loạn, thời hữu thân hữu khuất. Ý phục chung vô cùng, mẫn tồn kiến hư thực” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 40). Hay “Đạo bất chung cùng, khôn tất hanh - Khôn đồn hết rồi phải hanh thông, đạo chẳng bao giờ cùng quẩn mãi” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 367). Hết “bĩ cực” ắt sẽ “thái lai”. Với quan niệm về thế giới quan nhất nguyên mà trong đó khí là bản nguyên của vũ trụ không ngừng vận động, Nguyễn Bình Khiêm đã đóng góp tích cực cho

dòng chảy lịch sử tư tưởng của Việt Nam.

Từ những quan niệm về sự hình thành, vận động và biến đổi của vũ trụ và vạn vật, Nguyễn Bình Khiêm chiêm nghiệm đến những vấn đề thuộc về bản chất con người và xã hội loài người, ông đặc biệt chú ý đến đạo làm người và triết lý sống ở đời.

Sinh ra trong thời kỳ loạn lạc, các thế lực phong kiến tranh giành quyền lực, Nam - Bắc phân tranh, nhân dân điêu đứng, cương thường đảo lộn. Chứng kiến cảnh nhiễu nhương ấy cùng với thực trạng “nhân nghĩa tựa vàng mười”, “thốt có tanh tào ruồi mới đậu”, Nguyễn Bình Khiêm nhận ra con người đã dần xa bản tính lương thiện vốn có, những chuẩn mực đạo đức, đạo lý con người dần phai nhạt. Do đó, trong tư tưởng triết học của mình, Nguyễn Bình Khiêm rất chú ý đến việc đề cao đạo làm người, ông nêu ra cụ thể, chi tiết một loạt những chuẩn mực đạo đức đối với từng mối quan hệ xã hội như: hiếu - trung, thuận - hòa... nhưng đầu mối của tất cả các chuẩn mực đều tập trung ở chữ trung. Về những tư tưởng giáo huấn khuyên răn, ông không những nói về “tam cương”, “ngũ thường” mà còn khuyên con người sống nhân ái, lương thiện trong gia đình, trong cộng đồng làng xóm. Nguyễn Bình Khiêm viết: “xưa nay trọng người chân thật, nào ai ưa kẻ đái bôi” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 113) và khuyên làm người không nên quá xem trọng tiền bạc, của cải là mục đích cuối

cùng, mà nhân nghĩa ở đời, các chuẩn mực đạo đức mới là những cái đáng đeo đuổi.

Trong triết lý về đạo làm người của Nguyễn Bình Khiêm, điểm có ý nghĩa và có giá trị lịch sử lớn lao đó là tấm lòng thương yêu con người, yêu thương dân chúng. Sống gần trọn thế kỷ XVI, là người có kiến thức sâu rộng và được vua Mạc trọng vọng, nhưng hầu như trong suốt quãng đời của mình, Nguyễn Bình Khiêm không sống trong giàu sang danh vọng mà chấp nhận cuộc sống thanh bạch của một nhà nho ẩn dật. Hòa trong cuộc sống của dân chúng, Nguyễn Bình Khiêm nhìn thấy được nỗi thống khổ của nhân dân, hiểu được tâm tư, nguyện vọng của họ. Nguyễn Bình Khiêm không bỏ sót bất kỳ đối tượng nào, từ người tàn tật cho đến người bình thường, từ người “vợ góa, con cô” đến người nông phu, điền phụ... tất cả những người mà thân phận nhỏ bé, mong manh, bị áp bức bóc lột là đối tượng mà ông hết lòng quan tâm và mong muốn cho họ có cuộc sống an bình, no ấm.

Nghiên cứu triết lý nhân sinh Nguyễn Bình Khiêm cho thấy những luận giải của ông hướng vào việc khuyên răn, giáo huấn con người về mặt đạo đức, về lẽ sống và cách xử thế ở đời. Điều này đã làm nên nét độc đáo trong phương cách ứng xử với thời cuộc của ông, giúp chúng ta dễ dàng nhận ra ông trong rất nhiều nhà tư tưởng của dân tộc. Đó là cách ứng xử ung dung, tự tại, vô sự không màng danh

lợi nhưng lại mang nặng nỗi ưu tư về tình đời, nợ nước.

2. PHƯƠNG THỨC ỨNG XỬ VỚI THỜI CUỘC CỦA NGUYỄN BÌNH KHIÊM

2.1. Thái độ sống tự tại

Nguyễn Bình Khiêm sinh ra trong gia đình nhà nho, được giáo dục luân lý nho gia, nên lý tưởng trọn đời của ông hướng về mô hình quân chủ Nho giáo với “vua sáng tôi hiền”, xã hội Đường, Nghiêu. Tuy nhiên, thời kỳ lịch sử ông sinh sống, Nho giáo gần như bất lực trước thực trạng luân thường đạo lý ngả nghiêng, đạo đức suy đồi. Thực tiễn đó khiến ông một mặt tâm niệm: “đạo thánh hiền xưa, luống chóc mòng”, mặt khác lại thấy xã hội “của nặng hơn tiền”, lòng người đảo điên, nên ông lựa chọn lui về sống nhàn dật mà phương thức ứng xử đầu tiên ông lựa chọn là sống tự tại.

Tự tại là quan niệm sống tự do, không chịu sự ràng buộc, níu kéo, không bận tâm suy nghĩ, tính toán thiệt hơn, sống tự nhiên thuần phác, tùy theo ý thích của mình. Nguyễn Bình Khiêm bày tỏ: “Am quán ngày nhàn rồi mọi việc. Dầu ta tự tại mặc dầu ta” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 64) “Song hiền ngõ cửa ngồi xem sách, tự tại ngày qua mấy kẻ bằng” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 110) hay “Yên đòi phận dầu tự tại, lành dữ khen chê cũng mặc ai” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 164).

Hơn bốn mươi tuổi mới đi thi, làm quan chưa được bao lâu, Nguyễn

Bình Khiêm đã vội quay về. Sự quay về của ông không phải là sự trở lui vì nhụt chí, không phải là sự quay lưng với đời mà là lui về để bảo toàn khí tiết, giữ gìn phẩm giá, cho nên Nguyễn Bình Khiêm rất hài lòng với phương châm sống tự tại của mình. Với ông tự tại là: “Đèo núi vỗ tay cười khúc khích. Rặng thông vắt cẳng hát nghêu ngao” hay “Cửa trúc vỗ tay cười khúc khích, hiên mai vắt cẳng hát nghêu ngao” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 125). Nguyễn Bình Khiêm thích thú với cuộc sống thanh thoi sau một thời gian “đã no mùi thế tình” và chán cảnh thị thành đua tranh giành giật. Ông rong rui với cỏ cây, hoa lá chim muông, sống chan hòa cùng cảnh đẹp của thiên nhiên. Sống cuộc sống: “Một mai một cốc một cần câu... Khát uống chè mai hơi ngọt ngọt. Sốt kẻ hiền nguyệt gió hiu hiu. Giang sơn tám bức là tranh vẽ. Phong cảnh tứ mùa ấy gấm thêu” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 1474). Việc Nguyễn Bình Khiêm dựng quán Trung Tân với mục đích trước hết là làm nơi nghỉ ngơi cho người qua đường và để vui với thiên nhiên, cây cỏ, đã phần nào thể hiện lối sống ung dung tự tại, không bon chen danh lợi của ông.

Tự tại của Nguyễn Bình Khiêm cũng chính là một hình thức biểu hiện của một triết lý sống, một phong thái sống tự do cởi mở, chan hòa, lối sống của sự thanh thản trong thời buổi nhiễu nhương. Đó là lối sống “tiên” nơi trần thế. Ông tự hào nói: “Cao khiết thù vị

thiên hạ sĩ, an nhàn ngã thị địa trung tiên” (Trong sạch thanh cao ai là kẻ sĩ trong thiên hạ, an nhàn ta đây chính là tiên nơi trần thế) (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 199), hay “Rồi nhàn thì ấy tiên vô sự”, “Thanh nhàn ấy ắt là tiên khách. Được thú ta đà có thú ta” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 301). Nguyễn Bình Khiêm nhiều lần nói đến từ “tiên” trong tư tưởng của mình, khi thì ông cho mình là ông tiên nơi trần thế, là khách tiên, khi tự nhận cách sống của mình chẳng khác gì cách sống của tiên, “vô sự thì tiên lộ phải tìm... già vô sự ấy là tiên” hay “Ngày ngày tiêu sái nhân vô sự. Tuy chưa là tiên ắt ấy tiên” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 68). “Tiên” trong quan niệm của Nguyễn Bình Khiêm không phải là một khái niệm siêu hình. Sống “tiên” không phải là sống như trong cõi cực lạc vô hình, huyền bí nào đó mà chính là cảm nhận được cái “vô sự”, “lãng lãng”. Người “tiên” nhưng có cuộc sống hết sức trần tục, thường thức cuộc sống thanh thản, chan hòa với tự nhiên. Ông cảm nhận cuộc sống gần thiên nhiên, gần suối, gần mây trắng là cuộc sống không phải mua bằng tiền nhưng vẫn cứ tươi đẹp, cuộc sống ấy chính là cõi tiên.

Tự tại ở Nguyễn Bình Khiêm ngoài ý nghĩa là sống ung dung, thanh thản, nó còn thể hiện hàm ý về sự tự làm chủ được bản thân, hoàn toàn chủ động đối với cuộc sống, không bị ép buộc bởi ai: “Tự tại ngày qua mấy kẻ

bằng”; “Già đã khỏi áng công danh. Tự tại nào âu lụy đến mình” hay “Đến chốn nào vui chốn ấy. Dầu ta tự tại, có ai hay” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 362). Tìm hiểu cuộc đời của Nguyễn Bình Khiêm, có thể cảm nhận cách ứng xử của ông với các triều đại và với cuộc đời hoàn toàn tự chủ. Hầu như khó có thể lực nào có thể trói buộc hay gây sức ép được với ông. Ra làm quan triều Mạc cũng là sự lựa chọn của riêng ông, lui quan về ở ẩn cũng là quyết định từ ông. Các thế lực phong kiến có một thái độ trọng vọng nhất định với con người khí tiết này hoặc là kính trọng hoặc là không thể gây sức ép, nên Nguyễn Bình Khiêm mới có thể chủ động quyết định sự lựa chọn của mình. Ông chọn cách sống: “Thu ăn măng trúc, đông ăn giá, Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao. Rượu uống cội cây, ta sẽ uống. Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 573).

Tự tại ở Nguyễn Bình Khiêm còn là cách sống thuận theo tự nhiên, hòa hợp với tự nhiên. Nguyễn Bình Khiêm tiếp thu tinh thần này trong tư tưởng Lão - Trang và trong cả nét văn hóa truyền thống của người Việt Nam. Đạo giáo quan niệm phải để con người về với tự nhiên. Nguyễn Bình Khiêm cũng sống một cuộc đời như vậy. Ông hòa mình với thiên nhiên, thư thái trước trăng, tuyết, gió, mây, hoa, trúc. Nguyễn Bình Khiêm miêu tả: “Hàng giang một dải tuyết pha vàng. Trước cửa mười hai ngọn núi chồng”

hay “Yêu hoa dầu dãi vẽ thu dung. Tựa lầu trông núi hay cho núi. Lấp loáng màu xanh mấy vạn trùng” (*Ngự húng*). Nguyễn Bình Khiêm đã từng xem thiên nhiên như là người bạn tri âm, xem hoa là khách để chuyện trò “Ngày chầy hợp mặt hoa là khách. Đêm vắng hay lòng nguyệt ấy đèn” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 239). Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Bình Khiêm chọn cảnh vật thiên nhiên để bày tỏ chí ẩn dật, tự tại của mình, mà vì “theo quan niệm của Nho giáo, cái mẫu mực thuộc về quá khứ, còn cái trong sạch chủ yếu lại ở thiên nhiên. Các nhà nho theo quan niệm xuất xứ của Nho giáo – gặp thời thịnh thì ra làm việc, phò vua giúp nước, gặp thời loạn thì lui về ở ẩn, lấy thiên nhiên để di dưỡng tính tình. Họ tìm thấy trong thiên nhiên những phẩm chất đạo đức cao quý của con người theo quan niệm Nho giáo. Cây tùng là hình ảnh người đại trượng phu, cây trúc là hình ảnh người sĩ quân tử, cúc mai là biểu hiện của sự trắng trong, tinh khiết, ngư, tiều, canh mục là những nghề nghiệp trong sạch, tuyết, nguyệt, phong, hoa là các thú thanh tao... họ làm thơ vịnh về thiên nhiên là vậy” (Nguyễn Hữu Sơn, 2003: 53).

Nguyễn Bình Khiêm đã chọn thiên nhiên để gởi gắm cách nhìn, cách sống của ông. Thiên nhiên tạo cho con người cảm giác dễ chịu, êm đềm, thanh thản. Thậm chí, sống chan hòa với thiên nhiên có thể làm con người diu lại cảm giác đua tranh, sống thanh

bạch không màng lợi danh, chức vị, an nhiên, thanh thản giữa đất trời, sống hòa hợp, thuận theo tự nhiên. Do vậy, Nguyễn Bình Khiêm tìm tới thiên nhiên như tìm về với tri kỷ, tìm về với tính chân phương của con người, nuôi dưỡng thiên chân. Nguyễn Bình Khiêm sống giữa thôn quê, với mái nhà tranh, đơn sơ, yên ả, “Vài gian nhà cỏ ở bên sông, nhàn tản thân ta được thỏa lòng” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 342).

Có thể nói, tự tại ở Nguyễn Bình Khiêm mang ý nghĩa cá nhân hơn thời đại, nghĩa là mỗi người tự lựa chọn cho mình một phương cách sống, tự mình được phép thỏa mãn nhu cầu của cá nhân. Triết lý tự tại là triết lý tự do cho cá nhân, đó không chỉ là sự thông dong của một con người trong cuộc sống mà còn là sự tự do của cá nhân thoát khỏi sự ràng buộc bởi những lễ nghi, trật tự phong kiến Nho giáo với quan niệm về nghĩa, về phận, quy định chặt chẽ những mối quan hệ của con người. Trong xã hội phong kiến như vậy, con người không được coi mình là một cá nhân độc lập, không được nghĩ đến lạc thú cho riêng mình. Do đó quan niệm tự tại của Nguyễn Bình Khiêm ở khía cạnh này mang ý nghĩa tích cực, muốn tự chủ cuộc đời mình, sống tự tại với tư cách một cá nhân độc lập, không bị ràng buộc bởi những quy định nghĩa phận của nho gia cũng như trật tự của xã hội phong kiến. Ông toại nguyện khi: “Ngoài năm mươi tuổi đã tự tại, ắt đã trọn mừng nước một bầu” (Viện

Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 514). Vì vậy, “ông không có bị kịch gì về bản thân mình, về thân thể, vật chất, cũng như về tinh thần, ông luôn luôn khẳng định cách sống của mình trong thơ, dù ở bất kỳ hoàn cảnh nào một cách vừa nhũn nhặn vừa tự hào” (Đinh Gia Khánh, 1997: 58).

2.2. Không màng danh lợi, vô sự trước sự biến chuyển vùn xoay của thời cuộc

Tinh thông Dịch lý, Nguyễn Bình Khiêm nắm rõ quy luật “vật cực tắc phản”: đầy ắt phải vơi, nhọn quá phải cùn, cho nên trước thực tế loạn lạc, con người tranh giành, đua chen, chạy theo phù phiếm lợi danh, Nguyễn Bình Khiêm chủ động chọn cho mình lối sống yên phận, vô sự.

Vô sự của Nguyễn Bình Khiêm thể hiện trước hết ở quan niệm sống yên phận, biết đủ. Thái độ yên phận được Nguyễn Bình Khiêm nêu lên nhiều lần trong thơ: “Cày ăn, đào uống, yên đòi phận” hay “Sang khó miễn yên đòi phận”, hay “Thanh nhàn ta miễn yên đòi phận” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 231). Do ảnh hưởng bởi thế giới quan thiên mệnh của Nho giáo, nên Nguyễn Bình Khiêm chủ trương sống yên phận theo mệnh trời, có bao nhiêu hưởng bấy nhiêu. Ông nói: “Yên phận mà thôi chớ có cầu. Gặp sao hay vậy, có làm sao?” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 1474).

Theo Nguyễn Bình Khiêm, muốn được nhàn, được “yên phận” thì không được để quá đầy, phải giữ ở mức

trung, phải biết đủ. Nguyễn Bình Khiêm cho rằng việc hám danh lợi, tranh giành quyền thế, tham lam chỉ đem lại tai họa cho bản thân. Ông nói: “Đoái nhìn ta ở vào thế nguy nan, mà sợ lòng tự mãn trong cảnh giàu sang” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 232). Ông cho rằng người ta ở địa vị càng cao lại càng phải thận trọng đừng để cho quá đầy: “Đầy quá, xưa nay tránh mới thành”, “Giữ khí, gìn tinh, lại dưỡng thần; Ít lo, ít muốn, ít lao thân” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 865).

Bên cạnh thái độ “yên đòi phận”, vô sự ở Nguyễn Bình Khiêm là thái độ sống phóng khoáng, bình thản, không phải bận tâm lo lắng việc gì. Cái vô sự của Nguyễn Bình Khiêm là cái vô âu, vô lo, hoàn toàn thanh thoi để đắm mình vào thiên nhiên. Ông xem vô sự, yên phận là cách tốt nhất để giữ gìn nhân cách thanh cao, “vô sự là hơn nọ ngọc vàng”, “vô sự tiểu thần tiên”, “vô sự thì hơn kéo phải lo”, “vô sự ngáy pho pho”, “Vô sự chẳng hơn có sự ru. Dẫu nhẩn chê khen dầu miệng thế; Cơ màu tạo hóa mặc tự nhiên” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 287). Cách sống vô sự của Nguyễn Bình Khiêm là: “Thấy nguyệt tròn thì kể tháng. Nhìn hoa nở mới hay xuân. Cày ăn, đào uống yên đòi phận. Sự thế chẳng hay đã Hán Tần” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 194). Ông nhìn mọi sự, mọi đổi thay một cách bình thản, “gác bên ngoài”, “dầu được dầu thua ai mặc ai”. Ở đây chúng ta thấy quan

niệm vô sự của Nguyễn Bình Khiêm có nét gần với quan niệm “vô vi” của Lão Tử. Theo Lão Tử, “vô vi” nghĩa là sống và hành động theo lẽ tự nhiên, sống thuận phác, không làm những gì trái với bản tính tự nhiên của con người, không can thiệp vào guồng máy của tự nhiên. Vô vi còn là giữ gìn bản tính tự nhiên của mình và của vạn vật. Chính vì vậy, Lão Tử phản đối mọi chủ trương “hữu vi”. Ông cho rằng “hữu vi” sẽ gây xáo trộn trật tự tự nhiên và sẽ làm mất đi bản tính tự nhiên của con người. Còn với Nguyễn Bình Khiêm, vô sự mang một nội dung khác. Vô sự nhưng không quay lưng với thời cuộc, không xa lánh sự thế mà vẫn quan sát sự thế vẫn xoay với tư cách của người đứng bên ngoài nhìn thế sự một cách thản nhiên, không can thiệp vào trật tự của nó. “Thanh vắng thú quê dầu mấy nả; Dữ lành miệng thế mặc khen chê” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 535); “Cảnh cũ điền viên tìm chốn cũ; Khách nhàn sơn thủy dưỡng thân nhàn” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 342). “Cười họ tranh nhau danh lợi một cách gay gắt, Ta lại tìm một chỗ ở thanh vắng để trọn đời mình” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 542).

Do đó, vô sự trong quan niệm của Nguyễn Bình Khiêm còn là sự thản nhiên trước thị phi, phải trái. Là người từng trải, am hiểu lẽ đời, Nguyễn Bình Khiêm nhận thấy việc đời và lòng người đổi thay nhanh chóng, phải rồi lại trái, trái rồi phải, “nhân tình lại thị

phi”, không đâu là khởi điểm, cứ tiếp nối tuần hoàn như trên một vòng tròn. Do việc phải trái, đúng sai chỉ là tương đối nên người đạt đạo là người đã vượt lên trên thị phi, chứ không phải là không phân biệt được thị phi, phải trái.

Với Nguyễn Bình Khiêm, bậc trí thức phải biết đứng ngoài cái vòng lẩn quẩn ấy để khỏi phải bận tâm, nhọc xác: “Thanh nhàn hưởng được là mừng, thị phi gác bỏ xin đừng nhọc thân”. Nguyễn Bình Khiêm còn chỉ rõ mọi việc ở thế gian chỉ là tạm thời, cho nên chỉ có những kẻ ngây ngô mới cố chấp bàn chuyện thị phi: “Ở đời mọi việc không mà sắc, phải trái còn bàn rõ chán chưa” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 237). Không chỉ có vậy, vô sự trong quan niệm của Nguyễn Bình Khiêm còn là thái độ thản nhiên trước những sự sống chết, được mất, cùng thông. Là một triết nhân với triết lý nhân sinh nhàn nhã, ông thấy được quy luật biến chuyển xoay vần của cuộc đời để không bám víu vào cái không thể bám víu, không thể lấy cái tương đối làm cái tuyệt đối và cũng để điềm tĩnh thản nhiên vượt lên trên mọi giới hạn danh lợi, sân si của cuộc sống nhân gian. Cũng vì vậy, đối với mọi sự hơn thua ở đời, ông cũng dừng dừng coi thường. “Chán việc hơn thua đầy trước mắt. Làm tiên nhàn nhã ở trên đời” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 125).

Có thể nói, quan niệm vô sự của Nguyễn Bình Khiêm chính là một

phương thức biểu hiện của sự nhàn nhã về mặt tinh thần - đó chính là biểu hiện của nhàn trong tâm - tâm nhàn. Tâm nhàn là tâm trống không, hoàn toàn thanh thoi không bị ràng buộc hay bị chi phối bởi sự thế xung quanh. Theo Nguyễn Bình Khiêm, tâm trống không thì mới thanh thoi, vô sự, không còn tham dục, không vương công danh, không chấp thị phi, không định kiến. “Tâm trống rỗng” được Nguyễn Bình Khiêm đánh giá rất cao, ông thường nói: “Thói tục, tiết ngay, đâu dễ đổi, Trời già, tâm rỗng, tự nhiên hay” (Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 159). Lòng có vô sự thì tâm mới “lâng lâng”, “tự tại”, giống như mặt nước lặng mới phản ánh rõ mặt trăng. Nắm được quy luật ấy nên Nguyễn Bình Khiêm bao giờ cũng “vui nước biếc với non này. Cây cỏ tiêu dao cảnh tháng ngày”... “cơ quan liễu khước đều vô sự, tân quán sài môn tận nhật khai” (trong lòng không có cơ mưu thì tự nhiên vô sự, cửa sài ở quán tân cứ mở suốt ngày), “hư thất hồn vô bán điểm ai, sài môn tận nhật bạng giang khai” (nhà trống không chẳng nhuộm chút bụi trần, cửa sài bên sông mở suốt ngày). “Thản nhiên vô sự lòng không muốn, nhà không chẳng bận chút trần ai” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 659). Theo phép tắc của lý học Tống Nho, nếu giữ được cho lòng mình trống không thì sẽ có thể hiểu “cùng lý cùng tính”. Tiếp cận tư tưởng này, Nguyễn Bình Khiêm nói: “Một chiếc thuyền không lánh việc đời”. Rõ ràng, ông chủ trương vô sự là để lòng

thanh thản, trống trải. Khi ấy con người mới khách quan và sáng suốt, mới hiểu được lý của tự nhiên, của trời đất, thấu đạt lẽ đời, tránh được sai lầm, mê muội. Hình ảnh chiếc thuyền không mà Nguyễn Bình Khiêm đề cập đến không chỉ đơn thuần mang nghĩa là nói đến cuộc sống nhàn tản phóng khoáng mà còn hàm ý một triết lý sâu xa. Đó là sự thoát khỏi vòng cương tỏa của danh lợi, đem cái tâm thuần khiết mà đối xử với mọi người, mọi vật thì tâm đó sẽ càng bình thản: “Xét thấy trong cảnh nhàn không có gì là bận rộn, mặt trời đã lên cao mà vẫn ngon giấc bên song cửa phía đông”, “suy ngẫm đời nhàn vui rảnh việc, gần trưa ngon giấc ở bên song”, “nhàn đến đóng cửa sài cả ngày” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 1170).

Với chủ trương vô sự, Nguyễn Bình Khiêm đã đứng bên ngoài các cuộc phân tranh, vượt lên trên sự tranh chấp xâu xé của các tập đoàn phong kiến thống trị. “Cứu đám, phò nguy, thẹn bất tài,... Trên đời mọi việc đều quên hết, tân quán cửa sài mở suốt thôi” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 1392).

Chủ trương vô sự, Nguyễn Bình Khiêm đã chứng tỏ ông là người nắm vững thời thế, hành động theo thời thế. Nhiều lần ông đã đề cập đến việc ứng xử tùy thuộc thời thế, và đây có thể xem như là một điểm tựa, một cơ sở cho tư tưởng nhàn của ông: “đêm trăng Giám Hồ tình thơ cao xa, Gió thu Bành Trạch hứng rượu càng

nhiều” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 1245). Bành Trạch tức Đào Uyên Minh (Đào Tiềm), từng làm quan lệnh Bành Trạch, do chán cảnh quan lại luồn cúi, nên cáo quan về ở ẩn, được người đương thời gọi là Tĩnh Tiết tiên sinh để khen sự liêm khiết của ông. Lối sống ẩn dật của ông ảnh hưởng đến nhiều nho sĩ Việt Nam, trong đó có Nguyễn Bình Khiêm. Nguyễn Bình Khiêm đã noi theo Đào Tiềm, vui với thiên nhiên, xa lánh chốn quan trường, ông thường gọi nhớ về những tám gương ẩn dật của các bậc tiền bối, như là một cách để tự răn mình.

Tư tưởng vô sự của Nguyễn Bình Khiêm mang màu sắc Lão - Trang nhưng vẫn đậm nét Nho giáo. Vô sự ở Nguyễn Bình Khiêm không phải là trốn tránh trách nhiệm, phủi bỏ nhiệm vụ của cá nhân với cộng đồng xã hội, không phải là thoát ly xã hội, mà nó là một triết lý sống, một phương thức ứng xử không ham danh lợi, địa vị, vật chất tiền tài, coi thường bon chen, bất mãn với thói đời đen bạc. Vô sự là sống lạc thiên, tri mệnh, vui thú, khoáng đạt nhưng vẫn “ưu thời miễn thế”. Đây là nét đặc sắc trong phương thức ứng xử giữa thời loạn ly của Nguyễn Bình Khiêm.

Ảnh hưởng sâu sắc những triết lý của Nho gia cũng như phương châm xử thế trước thời cuộc của các bậc tiền nho, Nguyễn Bình Khiêm có những quan niệm đặc sắc về thời cuộc. Theo ông muốn hành động cho hợp lý phải xem xét thời thế, phải tùy thời, bởi vì:

“Có thuở được thời mèo đuổi chuột. Đến khi thất thế kiến tha bò”, “Gặp thời đại cũng hóa nên khôn” và “Tri cơ ứng biến thì được vẹn toàn” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 298). Ở Nguyễn Bình Khiêm, ta thấy hình ảnh của một kẻ sĩ đối với thời cuộc biết “tri cơ” và “kiến cơ”. Khổng Tử trước đây đã dùng hình ảnh con chim biết lúc nào nên đậu, lúc nào nên bay để tượng trưng cho phương châm xử thế tùy thời của nhà nho. Xét thời thế để hành hay tàng, xuất hay xử là con đường không xa lạ đối với những người theo Nho giáo.

2.3. Nỗi niềm đau đáu về tình đời, vận nước và khát vọng cứu vãn xã hội đương thời

Sống trong cảnh loạn ly, cảm thấy bản thân khó gánh được trọng trách “phù nghiêng đỡ lệch”, Nguyễn Bình Khiêm đã chọn cách sống tự tại, vô sự, ẩn dật vui thú hưởng nhàn, nhưng sâu thẳm trong tận lòng ông luôn đau đáu một nỗi lo về vận nước, tình dân. Việc lúc ra làm quan, lúc về ở ẩn gián đoạn của ông đã chứng minh điều này. Và chính đó cũng là nét độc đáo trong phương thức ứng xử trước thời cuộc của ông - phương thức ứng xử không đua tranh danh lợi nhưng tình dân, vận nước vẫn đeo mang. Điều này thể hiện ở khát vọng về xã hội hòa bình, thịnh trị và mong muốn “an dân” của Nguyễn Bình Khiêm.

Là nhà thơ chỉ để ở việc hành đạo, giúp đời, lập chí “phù nguy chửng nịch”, mong đem tài năng ra nâng đỡ sơn hà, song, ước nguyện bất thành,

Nguyễn Bình Khiêm vui sống với thiên nhiên, ruộng vườn, nén giấu nỗi niềm ưu quốc ái dân của mình vào trong, ông không lúc nào không đau đáu về một xã hội thịnh trị, thái hòa, dân chúng an lạc, yên vui.

Lịch sử Việt Nam từ cuối thế kỷ XV đến thế kỷ XVI là sự nối tiếp khốc liệt của sự tranh giành, phân tranh dữ dội giữa các tập đoàn phong kiến. Chiến tranh nối tiếp chiến tranh, 50 năm chiến tranh Nam - Bắc triều (1546 - 1592), 50 năm chiến tranh Trịnh - Nguyễn (1627 - 1672), xã hội Việt Nam oằn mình trong nỗi đau nỗi da xáo thịt. Đời sống nhân dân khổ khổ, điêu linh. Đó là thời kỳ “gian khổ đầy những chiến tranh và vật lộn giữa các họ cầm quyền, giai đoạn phong kiến rối loạn mà các nhà Khổng học không ngừng nhắc đến một cách ngậm ngùi, chua cay...” (Lương Ninh, 2005: 100). Thực tế đó làm cho Nguyễn Bình Khiêm càng khao khát về một xã hội hòa bình, thịnh trị. Một xã hội mà bên trên vua sáng tôi hiền, bên dưới dân chúng sống hòa bình, no ấm, không còn cảnh chồng vợ phân ly, cha con chia lìa. Suốt đời Nguyễn Bình Khiêm ôm ấp một nguyện vọng về một xã hội như thời Nghiêu Thuấn. Rất nhiều lần ông bày tỏ mong ước này: “Hà thời thái tổ Đường Ngu trị. Y cộu hiền khôn nhất thái hòa - Bao giờ lại được trông thấy thời bình trị Đường Ngu để cho trời đất lại được thái bình như xưa” (Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 191). Xã hội mà Nguyễn Bình Khiêm khao khát là xã

hội với những giá trị, chuẩn mực đạo đức được giữ gìn, bảo tồn, con người đối xử với nhau chân thành hòa nhã; sung túc về kinh tế, người dân đều được lao động, có cuộc sống no cơm ấm áo. Mọi người dân biết phân biệt điều xấu điều tốt, biết phân biệt việc phải việc trái, có cuộc sống lương thiện, giữ gìn những giá trị đạo đức cao đẹp, không bị lợi ích làm mù quáng, không bị kim tiền che mắt, trút bỏ mọi tham lam tính toán cho riêng mình. Xã hội mà Nguyễn Bình Khiêm hướng đến là xã hội ổn định về mọi mặt từ kinh tế, chính trị, văn hóa mà đặc biệt nhất là xã hội ổn về lòng dân, khi đó dân tin, dân quý nhà cầm quyền như cha con, anh em, bè bạn.

Để có một xã hội thái bình thịnh trị, cứu vãn trật tự xã hội, Nguyễn Bình Khiêm chủ trương thực hiện đường lối cai trị bằng nhân nghĩa, dùng nhân nghĩa để giáo huấn, giáo hóa con người và duy trì trật tự ổn định của xã hội. Người thực hiện tốt nhiệm vụ này không ai khác hơn là vua. Do vậy, Nguyễn Bình Khiêm rất chú ý đến vai trò và phẩm chất của vị vua trong xã hội. Vua phải dùng nhân nghĩa để giáo hóa dân chứ không phải dùng quyền uy và mệnh lệnh bạo tàn. Ông viết: “Thánh chủ chỉ kim nhân thắng bạo - Thánh chúa ngày nay chỉ lấy nhân nghĩa để thắng bạo tàn” (Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2015: 254).

Theo Nguyễn Bình Khiêm, vua phải là người công bằng, người cầm cân công lý, biết yêu nước và hết lòng vì dân, vua phải là người nếu có bó đuốc

sáng thì nên soi dân nơi nhà nát xóm nghèo: “Quân vương như hữu quang minh chúc. Ưng chiếu cùng lư bộ ốc dân” (Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2015: 153), để “dân làm than khổ cực đều được nằm trên nệm chiếu yên ổn” (Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2015: 242). Vua như vậy, và quan lại cũng phải như vậy, theo Nguyễn Bình Khiêm, bày tôi khi giúp vua cũng phải “nhân nghĩa tựa như son”. Có được vua sáng tôi hiền như vậy thì mô hình về một xã hội thái bình sẽ trở thành hiện thực.

Đau đầu nỗi niềm thương nước, thương dân Nguyễn Bình Khiêm luôn xem trọng sức mạnh của dân chúng và sẵn sàng “nhập thế” để người dân có được cuộc sống yên vui hạnh phúc. Ông luôn mong muốn đem lại cho dân chúng cuộc sống bình yên, no ấm, được phát triển tự do, tự chủ đối với cuộc đời của mình. Trong thế kỷ mà Nguyễn Bình Khiêm sinh sống, xã hội oằn mình trong máu lửa chiến tranh. Con người nơm nớp lo sợ, tính mạng luôn bị đe dọa. Thực tại như vậy, nên muốn dân được yên ổn, theo Nguyễn Bình Khiêm, cách thiết thực nhất là phải xóa bỏ chiến tranh, chấm dứt, loại trừ những hành động tàn ác bạo ngược đối với dân. Nguyễn Bình Khiêm cũng phân biệt rất rõ chiến tranh phi nghĩa và chiến tranh chính nghĩa. Ông đề cao và tham gia vào các cuộc chinh phạt nhằm chống lại bọn giặc cướp tàn hại nhân dân. Nhưng đối với các cuộc chiến tranh khác, những cuộc chiến tranh vì lợi

ích của cá nhân và dòng họ thì ông lại kịch liệt lên án.

Có thể nói, cả cuộc đời lo toan vì nợ nước, vì tình dân, nhưng Nguyễn Bình Khiêm sống đầy lạc quan, hào phóng, mong muốn “gắng sức ngày đêm” làm việc để đất nước thanh bình, nhân dân yên ổn. Chí nguyện cao đẹp cả đời ông là nét son sáng chói ghi nhận tên tuổi Nguyễn Bình Khiêm trong dòng chảy mệnh mông của dòng sông tư tưởng dân tộc.

3. KẾT LUẬN

Dù đau đầu lo đời, lo nước, lo dân nhưng ở Nguyễn Bình Khiêm lại bộc lộ một phong thái sống ung dung, nhàn nhã. Sự hòa hợp tưởng chừng như mâu thuẫn này đặc biệt chỉ có ở Nguyễn Bình Khiêm. Và đó cũng chính là cách ứng xử đặc biệt, làm nên dấu ấn của Nguyễn Bình Khiêm so với các nhà tư tưởng đương thời. Trong thời buổi loạn lạc, Nguyễn Bình Khiêm chủ động chọn phương thức ứng xử là vận dụng hợp lý hai chữ xuất-xử vào hoàn cảnh lịch sử đầy biến động mà ông là người trong cuộc. Chọn cách sống tự tại và vô sự, ông đã xác lập một nhân sinh quan xử thế hợp lý. Đó là thái độ sống ung dung tự tại, tìm đến với thiên nhiên, tìm đến sự an bình trong tâm. Đó chính là đi tìm cái tĩnh trong cái động, thấy được sự đứng im tương đối trong sự vận động tuyệt đối. Song, đằng sau sự vô sự, dửng dưng là cả một nỗi lo toan, day dứt với đời, với thời, với người, là khát vọng về một xã hội hòa bình thịnh trị. Đúng như lời nhận xét của

Vũ Khâm Lân, Nguyễn Bình Khiêm là con người “đời dùng thì làm, đời bỏ thì ắt, đối với tiên sinh dù chẳng đắc dụng cũng có hề chi” (Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2015: 412). Và cũng vì vậy mà “tuy ở nhà bốn mươi tư năm mà lòng không ngày nào quên đời, ưu thời mẫn tục đều lộ trong thơ. Con người nhàn dật, tự tại trong Tuyệt Giang phu tử vì thế vẫn chưa thoát khỏi học thuyết Nho giáo, vẫn chưa ra ngoài quan niệm “hành-tàng”, “xuất-xử”, “nguy bang bất nhập, loạn bang bất cư” để hòa mình vào thế giới của Lão Trang” (Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2015: 312). Ra rồi về, về rồi ra, quá trình hành tàng, xuất xử ấy của Nguyễn Bình Khiêm, hẳn có nhiều lý do, nhưng dù sao đi nữa thì “cái đáng trân trọng và đánh giá cao nhất ở Nguyễn Bình Khiêm là dù xuất hay xử, tấm lòng của ông luôn luôn hướng

về đất nước, về nhân dân. Tư tưởng và tình cảm cao đẹp đó không đưa ông vượt qua những hạn chế của thời đại nhưng là nền tảng tinh thần, là chất liệu cơ bản để cùng với tri thức uyên bác và tài năng sáng tạo của mình, nâng ông lên địa vị một danh nhân văn hóa lỗi lạc của dân tộc, một nhà thơ lớn nhất của thế kỷ XVI với uy tín và ảnh hưởng rộng lớn bao trùm đất nước lúc đó” (Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2015: 112). Đó cũng là một trong những bằng chứng chứng tỏ: “Nguyễn Bình Khiêm là sản phẩm văn hóa điển hình của thế kỷ XVI - một thế kỷ nặng về chinh chiến và nhiều biến động nên phải lựa chọn một phương thức ứng xử văn hóa khả dĩ có thể đáp ứng được nhu cầu đời sống tinh thần vốn muôn phần phức tạp” (Nguyễn Hữu Sơn, 2003: 28). □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tân, Mai Cao Chương. 1997. *Việt Nam văn học (thế kỷ XVII - nửa đầu thế kỷ XVIII)*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
2. Viện Văn học, Hội đồng Lịch sử Hải Phòng. 2014. *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*, tổng tập. Hà Nội: Nxb. Văn học.
3. Hội đồng Lịch sử Hải Phòng. 2015. *Hội thảo “Di sản văn học – Nguyễn Bình Khiêm - tư tưởng và khuynh hướng thẩm mỹ”*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
4. Lương Ninh (chủ biên). 2005. *Lịch sử Việt Nam giản yếu*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
5. Nguyễn Hữu Sơn. 2003. *Nguyễn Bình Khiêm – nhà thơ triết lý thế sự*. TPHCM: Nxb. Trẻ.
6. Nguyễn Nghiệp. 1997. *Trạng Trình và Sấm ký*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
7. Nguyễn Phan Quang, Võ Xuân Đàn. 2000. *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến năm 1984*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
8. Vũ Minh Tâm. 1996. *Tư tưởng triết học về con người*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.